TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2023/HS-ST
Ngày: 19 - 7 - 2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Bá Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Thúy Hoa.

2/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Vân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đỗ Phú Tuấn – Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Phong Ba – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 102/2023/TLST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 546/2023/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Lê Tuấn P (tên gọi khác: Q); giới tính: N; sinh năm: 1999; sinh tại: Thành phố Hồ Chí Minh; căn cước công dân số: 079099010265; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: A đường V, Tổ C, Khu phố B, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: I, Tổ E, Khu phố C, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; học vấn: 8/12; nghề nghiệp: Không; con ông Lê Tuấn D, con bà Lê Thị Thanh T, có vợ Nguyễn Hoàng Thu T1 (chưa đăng ký kết hôn), có 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/9/2022 đến nay. (có mặt)

2. Nguyễn Hoàng Thu T1; giới tính: Nữ; sinh năm: 2001; sinh tại: Thành phố Hồ Chí Minh; căn cước công dân số: 070301000181; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: 667/4 đường L, Tổ E, Khu phố E, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: I, Tổ E, Khu phố C, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Hoàng T2, con bà Tiêu Thị Ngọc H; có chồng Lê Tuấn P (chưa đăng ký kết hôn), có 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. (có mặt)

- *Bị hại:* Chị Cao Võ Thanh T3, sinh năm 2003; địa chỉ: Số D, Khu phố D, Quốc Lộ A, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- *Nguyên đơn dân sự:* Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm: 1994; Địa chỉ: Số D, Tổ C, Khu phố B, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa liên quan đến vụ án:*Ông Lê Tuấn D, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Số I, Tổ E, Khu phố C, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 25 ngày 21/9/2022, Lê Tuấn P điều khiển xe mô tô biển số 59G3- 017.47 chở vợ là Nguyễn Hoàng Thu T1 (chưa đăng ký kết hôn) đến cửa hàng X, địa chỉ số B đường Q, Tổ A, Khu phố D, phường A, Quận A để đổ xăng. Lúc này, P nhìn thấy chị Lý Thị Ngọc N1, chở chị Cao Võ Thanh T3 vừa dừng xe mô tô biển số 68D1- 071.36 tại cửa hàng xăng dầu trên (chị T3 ngồi sau cầm trên tay trái một điện thoại di động hiệu Iphone 13 màu trắng, đầu xe mô tô hướng về phía xe Phát). Lúc này, P nảy sinh ý định cướp giật điện thoại di động của chị T3. Do vậy, sau khi trả tiền đổ xăng thì P điều khiển xe mô tô chở T1 ngồi sau áp sát bên trái xe mô tô biển số 68D1-071.36 rồi P dùng tay trái giật được điện thoại di động của chị T3 rồi tẩu thoát ngược chiều đường Q về hướng cầu B, chạy được một đoạn thì P giấu điện thoại vào túi quần trước bên trái, khi đến bờ kênh "Kháng chiến" thuộc giao lộ đường Quốc lộ A và hẻm D, Tổ A, Khu phố D, phường A, Quận A, dừng xe và tháo sim điện thoại vừa cướp giật được ném xuống kênh nhằm mục đích không nhận cuộc gọi và tránh bị hại định vị phát hiện. Thời điểm này, T1 đứng gần nên thấy P đang tắt nguồn điện thoại, đồng thời T1 nhìn về hướng đã tẩu thoát do lo lắng người bị hại đuổi theo. Trên đường về nhà, T1 nói với P mang trả điện thoại đã cướp giật, nhưng P không trả rồi cả hai về nhà số I tổ E, khu phố C, phường A, Quận A.

Đến khoảng 14 giờ 40 phút cùng ngày, P mượn xe mô tô biển số 50Y1-594.57 của anh Nguyễn Văn M rồi điều khiển mang theo điện thoại di động vừa cướp giật đến cửa hàng điện thoại Hoàng C, địa chỉ số D, Tổ C, Khu phố B, phường A, Quận A bán cho Nguyễn Văn H1 với giá là 2.000.000 đồng. Sau đó, P về nhà gặp T1 nói vừa bán điện thoại đã cướp giật được số tiền 2.000.000 đồng, P đưa cho T1 số tiền 1.000.000 đồng. Sau khi bị giật điện thoại chị Cao Võ Thanh T3 đến Công an phường A, Quận A trình báo sự việc. Đến khoảng 17 giờ 05 phút cùng ngày, Công an Q1 đã triệu tập P và T1 để làm việc.

Tại Cơ quan điều tra Công an Q1, Lê Tuấn P khai nhận toàn bộ hành vi cướp giật tài sản như trên. Đồng thời khai nhận không bàn bạc với T1 việc giật điện thoại. Nguyễn Hoàng Thu T1 khai nhận có biết P giật điện thoại di động và biết rõ số tiền P đưa là do P phạm tội mà có, nhưng T1 vẫn sử dụng để tiêu xài số tiền 1.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá số 252/KL - HĐĐGTS ngày 13/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận A kết luận: Điện thoại di động hiệu Iphone 13 màu trắng, dung lượng 128GB, số imei 1: 350183984580738, số Imei 2: 350183984686477, có trị giá là 13.250.000 đồng.

Vật chứng vụ án:

01 áo khoác màu đen; 01 quần Sọc; 01 đôi dép màu đỏ.

01 áo khoác màu đen; 01 đôi dép tông màu trắng.

01 Điện thoại di động hiệu Iphone 13 màu trắng, dung lượng 128GB, số imei 1: 350183984580738, số Imei 2: 350183984686477. Cơ quan điều tra Công an Q1 trả cho bị hại là chị Cao Võ Thanh T3.

Tiền Ngân hàng N2: 2.000.000 đồng (đã nộp vào tài khoản Công an Q1 theo phiếu thu số 308 ngày 02/11/2022).

01 xe mô tô biển số 59G3- 017.47, SM: JF63E1439187, SK: RLHJF6307FZ439167. Qua xác minh chiếc xe trên do anh Lê Tuấn D, cư trú 990/3E, Khu phố C, phường A, Quận A, là cha ruột bị cáo P đứng tên sở hữu. Bị cáo P sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội. Hiện Cơ quan điều tra Công an Q1 đang tạm giữ chiếc xe trên.

02 USB là thiết bị chứa dữ liệu hình ảnh có liên quan đến vụ cướp giật tài sản nêu trên (kèm theo hồ sơ).

Về trách nhiệm dân sự: Chị Cao Võ Thanh T3, là bị hại trong vụ án đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường, anh Nguyễn Văn H1 yêu cầu được nhận lại số tiền 2.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 85/CT-VKS ngày 19/4/2023, Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố:

Lê Tuấn P về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Nguyễn Hoàng Thu T1 về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Đối với ông Lê Tuấn D là cha ruột của Lê Tuấn P, đứng tên đăng ký xe mô tô biển số 59G3- 017.47 là phương tiện P sử dụng đi cướp giật và ông Nguyễn Văn M là người cho P mượn xe mô tô biển số 50Y1-594.57 để P đi bán điện thoại cướp giật được. Qua làm việc, ông D và ông M khai không biết P mượn xe mô tô trên để đi cướp giật và đi bán điện thoại. Do đó, Cơ quan điều tra Công an Q1 không đề nghị xử lý là có cơ sở.

Đối với ông Nguyễn Văn H1, không biết rõ điện thoại đã mua là do tài sản P phạm tội mà có, đã tự nguyện giao nộp điện thoại đã mua của P. Do đó, Cơ quan điều tra Công an Q1 không đề nghị xử lý là có cơ sở.

Tại phiên tòa,

Các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị tuyên bố bị cáo Lê Tuấn P phạm tội "Cướp giật tài sản", bị cáo Nguyễn Hoàng Thu T1 phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Tuấn P từ 03 năm đến 04 năm tù.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Thu T1 từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, áp dụng thời gian thử thách đối với bị cáo .

Không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Q1, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Xét thấy, khoảng 14 giờ 25 ngày 21/9/2022, tại cửa hàng X, địa chỉ số B đường Q, Tổ A, Khu phố D, phường A, Quận A, Lê Tuấn P điều khiển xe mô tô biển số 59G3- 017.47 chở Nguyễn Hoàng Thu T1 đến đổ xăng thì P thấy chị Lý Thị Ngọc N1 điều khiển xe mô tô biển số 68D1- 071.36, dừng trước cửa hàng chở chị Cao Võ Thanh T3 ngồi sau, tay trái chị T3 cầm một điện thoại di động hiệu Iphone 13 màu trắng, P điều khiển xe mô tô chở T1 ngồi sau áp sát bên trái xe mô tô biển số 68D1-071.36 rồi P dùng tay trái cướp giật điện thoại di động của chị T3 chạy thoát. Chiếc điện thoại trị giá 13.250.000 đồng. Khi P thực hiện hành vi phạm tội không có bàn bạc gì với T1, T1 không tham gia cùng P. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bị cáo P đã phạm tội "Cướp giật tài sản" theo Điều 171 Bộ luật Hình sự.

[3.1] Bị cáo P dùng xe mô tô làm phương tiện phạm tội. Hành vi của bị cáo là có thể gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của bị hại, người đi đường. Đây là thủ đoạn nguy hiểm để thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định tội phạm và hình phạt của bị cáo P được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

[4] Khoảng 14 giờ 40 ngày 21/9/2022, P đến cửa hàng điện thoại Hoàng C, bán chiếc điện thoại chiếm đoạt được cho ông Nguyễn Văn H1 được 2.000.000 đồng. P về nhà đưa cho Nguyễn Hoàng Thu T1 số tiền 1.000.000 đồng, T1 biết biết rõ tài sản do P phạm tội mà có nhưng vẫn sử dụng để tiêu xài. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bị cáo T1 đã phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

[5] Xét thấy, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đã nộp lại số tiền 2.000.000 đồng để khắc phục hậu quả nên Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T1 mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên Hội đồng xét xử giảm nhẹ thêm một phần hình phạt cho bị cáo T1 theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Xét thấy bị cáo T1 có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, có nhân thân tốt, có khả năng tự cải tạo và có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo mới phạm tội lần đầu và hiện đang nuôi con nhỏ nên Hội đồng xét xử nhận thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho hưởng án treo với một thời gian thử thách nhất định và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự được quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự cũng đủ để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo.

[7] Đối với ông Lê Tuấn D là cha ruột của Lê Tuấn P, đứng tên đăng ký xe mô tô biển số 59G3- 017.47 là phương tiện P sử dụng đi cướp giật và ông Nguyễn Văn M là người cho P mượn xe mô tô biển số 50Y1-594.57 để P đi bán điện thoại cướp giật được. Qua làm việc, ông D và ông M khai không biết P mượn xe mô tô trên để đi cướp giật và đi bán điện thoại. Do đó, Cơ quan điều tra Công an Q1 không có cơ sở xử lý nên không đề cập giải quyết.

[8] Đối với ông Nguyễn Văn H1, không biết rõ điện thoại đã mua là do tài sản P phạm tội mà có, đã tự nguyện giao nộp điện thoại đã mua của P. Cơ quan điều tra Công an Q1 không có cơ sở xử lý nên không đề cập giải quyết.

[8] Về vật chứng vụ án:

[8.1] Các vật chứng, Cơ quan Công an đã xử lý, lưu giữ vào hồ sơ thì không đề cập giải quyết:

[8.2] 01 áo khoác màu đen; 01 quần Sọc; 01 đôi dép màu đỏ; 01 áo khoác màu đen; 01 đôi dép tông màu trắng là vật không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy theo điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8.3] Số tiền 2.000.000 đồng các bị cáo nộp lại. Xét thấy, ông Nguyễn Văn H1 nộp lại chiếc điện thoại đã mua và yêu cầu nhận lại 2.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử trả lại 2.000.000 đồng này cho ông H1 theo điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8.4] Xe mô tô biển số 59G3- 017.47, SM: JF63E1439187, SK: RLHJF6307FZ439167. Qua xác minh chiếc xe trên do ông Lê Tuấn D, cư trú

990/3E, Khu phố C, phường A, Quận A, là cha bị cáo P đứng tên sở hữu. P sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, ông D không biết nên trả lại chiếc xe cho ông D.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường nên không đề cập giải quyết. Về yêu cầu của ông Nguyễn Văn H1 đã được giải quyết trong phần xử lý vật chứng nên không đề cập giải quyết.

[10] Về án phí: Theo Điều 23 Nghị quyết Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

Bị cáo Lê Tuấn P phạm tội "Cướp giật tài sản", bị cáo Nguyễn Hoàng Thu T1 phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Tuấn P 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/9/2022.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323, các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Thu T1 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 19/7/2023).

Giao bị cáo Nguyễn Hoàng Thu T1 cho Ủy ban nhân dân phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào các điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) áo khoác màu đen, 01 (một)| quần Sọc, 01 (một) đôi dép màu đỏ, 01 (một) áo khoác màu đen, 01 (một) đôi dép tông màu trắng.

Trả cho ông Nguyễn Văn H1 số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng.

Trả cho ông Lê Tuấn D 01 (một) xe mô tô biển số 59G3- 017.47, số máy: JF63E1439187, số khung: RLHJF6307FZ439167.

(Theo Quyết định chuyển vật chứng số 67/QĐ-VKS ngày 19/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 12).

Về án phí: Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc mỗi bị cáo nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Đã giải thích chế định án treo và nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

Nơi nhận:
- TAND Tp.Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND Tp.Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND Quận 12; (2)
- Chi cục THADS Quận 12; (1)
- Sở Tư pháp Tp.Hồ Chí Minh; (1)
- Phòng hồ sơ NVCS (PC.53); (1)
- Công an Quận 12; (2)
- Thi hành án hình sự; (12)
- Bị cáo; (2)
- Những người tham gia tố tụng khác; (3)
- Lưu VT, hồ sơ vụ án. (2) (28)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Bá Hiệp